

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2022**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0800376530
- Vốn điều lệ: 172.788.880.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 172.788.880.000 đồng
- Địa chỉ: Km28+100m, Quốc lộ 18, phường Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Số điện thoại: 02203.580.414
- Website: ww.songdacaocuong.vn
- Mã cổ phiếu: SCL

Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường (Công ty) thành lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800376530 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 15 vào ngày 06/10/2022

Công ty thực hiện niêm yết cổ phần tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 15/09/2010. Số lượng cổ phiếu niêm yết ban đầu là 9.000.000 cp; hiện nay là 17.278.888 CP; mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, hướng dẫn vận hành, chạy thử, đào tạo và chuyển giao công nghệ dây chuyền sản xuất tro bay từ tro xỉ phế thải của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại, bằng công nghệ tuyển ướt và sấy khô đồng bộ, hiện đại, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và bảo vệ môi trường (công nghệ đã đạt giải nhất Giải thưởng Sáng tạo Khoa học- Công nghệ Việt Nam năm 2008).

- Năm 2011 Công ty đầu tư xây dựng thành công và đi vào hoạt động Dự án nhà máy sản xuất gạch nhẹ chung áp công suất 200.000 m³/năm, đây là một trong những nhà máy lớn tại Việt Nam đi đầu trong lĩnh vực sản xuất gạch bê tông nhẹ thay thế gạch xây sản xuất bằng phương pháp nung đốt truyền thống, thuận theo quy hoạch của Nhà nước về phát triển vật liệu xây dựng gạch xây không nung; điểm đặt biệt ở đây là Công ty sử dụng nguyên liệu từ tro xỉ của Nhà máy nhiệt điện Phả Lại qua dây chuyền xử lý để sản xuất, góp phần xử lý chất thải do nhà máy nhiệt điện thải ra. Cũng năm 2012 Công ty khánh thành nhà máy sản xuất vữa khô, keo dán gạch đá, keo chít mạch; đến nay công suất nhà máy này là 100.000 tấn/năm.

- Năm 2012, Công ty ký Hợp đồng EPC công nghệ với Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ về: “Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, thiết kế chế tạo dây chuyền xử lý phosphogypsum (PG) của DAP Đình Vũ, làm phụ gia cho xi măng và làm nguyên liệu để sản xuất tấm thạch cao xây dựng”; và đề tài này đã được Công ty xây dựng thành Đề tài khoa học cấp Nhà nước được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt cấp kinh phí thực hiện; Theo đó ngày 6/6/2016 Công ty đã ký hợp đồng với Bộ Khoa học và Công nghệ và đang triển khai thực hiện Đề tài KH&CN cấp quốc gia thực hiện Đề tài

trên, đến nay Công ty thực hiện hoàn thành gói thầu EPC Đình Vũ; Riêng Đề tài khoa học Công ty tiếp tục thực hiện hoàn thành trong năm 2018.

- Năm 2016 Công ty hoàn thiện việc phát hành thêm 3.000.000 cp, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 138.899.730.000 đồng.

- Năm 2022 Công ty hoàn thiện việc phát hành thêm 3.388.915 CP, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 172.788.880.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh: (chỉ nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất vật liệu xây dựng; các mặt hàng chính là tro bay, gạch nhẹ chưng áp AAC, các sản phẩm của bê tông khí, vữa khô trộn sẵn, keo dán gạch đá, keo chít mạch, ...;

- Địa bàn kinh doanh: (chỉ nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Sản phẩm tro bay của Công ty đã được cấp cho Công trình thủy điện Nậm Thôn, Nậm Săm 3 tại Lào và xuất khẩu sang các nước trong khu vực Đông Nam á; các sản phẩm vật liệu xây dựng khác tiêu thụ trong nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban tổng giám đốc: Có Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc

- Các phòng chức năng: Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kỹ thuật- Công nghệ; phòng Kinh doanh; Nhà máy sản xuất tro bay, Nhà máy sản xuất gạch nhẹ, Nhà máy chế tạo thiết bị và kết cấu thép.

c) Các công ty con, công ty liên kết

- Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ; địa chỉ: Lô GI-7, Khu kinh tế Đình Vũ, phường Đông Hải 2, Q. Hải An, Tp Hải Phòng. Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất thạch cao từ bã thải của nhà máy sản xuất phân bón, ...; Vốn điều lệ thực góp: 21.191.600.000 đồng; Tỷ lệ sở hữu: 17%

- Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại: Vốn thực góp: 800.300.000 đồng, địa chỉ tại Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương, tỷ lệ sở hữu vốn 10%; là đơn vị kinh doanh tiền tệ.

- Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân: Vốn thực góp: 1.200.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu vốn 40%; địa chỉ tại Vĩnh Tân, Tuy Phong, Bình Thuận, là đơn vị xử lý tro xỉ và sản xuất bê tông thương phẩm.

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng nhanh, ổn định, bền vững, trở thành doanh nghiệp lớn đi đầu trong lĩnh vực sản xuất công nghệ và sản phẩm vật liệu xây dựng chất lượng cao từ các chất phế thải của ngành công nghiệp; không ngừng nâng cao uy tín, thương hiệu của Công ty, đạt lợi nhuận cao, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông góp vào Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, đảm bảo giá trị của cổ phiếu, lợi tức của Cổ đông và thu nhập của người lao động.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và phụ gia cho bê tông và xi măng, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững, mở rộng thị trường trong nước, thỏa mãn nhu cầu cao của khách hàng và xã hội về chất lượng, số lượng, giá cả, chủng loại, kích thước, kiểu dáng, mẫu mã của sản phẩm phù hợp với xu thế thời đại và thị hiếu của thị trường, tiếp tục xuất khẩu sang các nước trên thế giới, lấy sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và các sản phẩm mới làm trọng tâm,

đồng thời khai thác tốt các cơ hội để mang lại lợi nhuận cao, đảm bảo lợi ích các cổ đông, việc làm đời sống của người lao động và góp phần hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh phát triển.

- Đẩy mạnh và tiếp tục mở rộng sản xuất sản phẩm và sản xuất thiết bị, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm tro bay, gạch nhẹ chung áp, vữa khô trộn sẵn, xử lý môi trường; phân đầu trở thành công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất tro bay và gạch nhẹ chung áp, vữa xây, và xây dựng các dự án sản xuất vật liệu không nung khác để đáp ứng được cho nhu cầu thị trường phù hợp chiến lược phát triển vật liệu của Chính phủ.

- Xây dựng và thực hiện dự án Nhà máy sản xuất cung cấp thiết bị và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất tro bay, sản xuất gạch nhẹ chung áp, bê tông khí, bê tông cấu kiện, vữa xây trộn sẵn, xử lý môi trường, kết cấu nhà xưởng ...;

- Tăng cường liên doanh hợp tác với các tổ chức, cá nhân, viện nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước để mở rộng quy mô đầu tư và kinh doanh cả về chiều sâu, chiều rộng trong các lĩnh vực có nhiều tiềm năng, đặc biệt là công nghệ và vật liệu xây dựng mới.

- Quan tâm việc tuyển dụng, thu hút nhân tài, tăng cường công tác đào tạo và đào tạo tại chỗ để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, bố trí sắp xếp lại lao động một cách hợp lý.

5. Các rủi ro:

- Tiêu thụ hàng của Công ty bị giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19; Sản phẩm của Công ty phụ thuộc vào tiến độ thi công các công trình thủy điện, thủy lợi và tình hình phát triển xây dựng dân dụng. Việc sử dụng vật liệu xây không nung vào xây dựng công trình nhà ở chưa phổ biến, chỉ đạo của Nhà nước về sử dụng vật liệu xây không nung chưa quyết liệt dẫn đến khó khăn trong tiêu thụ gạch nhẹ.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu năm 2022 thực hiện 338,7 tỷ đồng, bằng 109 % so với năm trước, so với kế hoạch đạt 73%

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế 18,6 tỷ đồng; bằng 81% so với năm trước, so với kế hoạch đạt 87%

- Năm 2022, tình hình sản xuất của công ty chưa đạt kế hoạch đề ra là do: Năm 2022 Công ty tiếp tục duy trì được các Hợp đồng xuất khẩu tro bay đã ký kết. Các sản phẩm gạch nhẹ, tấm bê tông khí, vữa khô, keo dán gạch đá, ..., đã cung cấp được vào các dự án lớn cũng như hệ thống các nhà phân phối mở rộng, doanh thu đạt 342 tỷ đồng (tăng 3% so với năm 2021). Nguồn nguyên liệu đầu vào ít biến động hơn so với năm 2021, nhưng nguyên liệu chính là tro xỉ ngày càng khan hiếm, giá tăng cao làm tăng chi phí giá vốn sản phẩm hàng hóa. Lãi vay ngân hàng tăng, chi phí tài chính phát sinh lớn, tổng chi phí năm 2022 là 308 tỷ đồng (tăng 5% so với năm 2021) là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm so với năm 2021.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Ông Vũ Văn Chiến

Tổng giám đốc

Họ tên: Vũ Văn Chiến

Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam

Chuyên môn: Kỹ sư điện tự động hóa

Quê quán: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Cổ phần nắm giữ tại Công ty: 271.000 CP

b. Phó Tổng Giám đốc : Ông Phạm Văn Thư

Họ tên: Phạm Văn Thư
 Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
 Chuyên môn chính: Kỹ sư kỹ thuật xây dựng, cử nhân quản trị kinh doanh
 Quê quán: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
 Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
 Cổ phần nắm giữ tại Công ty: 53.980 CP

c. Kế toán trưởng: Ông Trần Văn Hoan:

Họ tên: Trần Văn Hoan
 Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam
 Chuyên môn: Cử nhân kế toán, chứng chỉ Kế toán trưởng
 Quê quán: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương
 Thường trú: Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương
 Cổ phần nắm giữ tại Công ty: 36.000 CP

d) Thay đổi nhân sự trong ban điều hành trong năm: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại 31/12/2022:

Tổng số 210; trong đó tiến sỹ 01, thạc sỹ 04; Đại học 34; cao đẳng 12; trung cấp 10; công nhân kỹ thuật 58; công nhân vận hành 91; nữ 26; nam 184.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: (Chỉ nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm, bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án, tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết): Đang đầu tư dự án xử lý tro xỉ tại Vĩnh Tân, Bình Thuận, chưa hình thành xong giá trị tài sản đầu tư

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ: Sản xuất khá hơn năm 2021, mở được nhiều thị trường tiêu thụ thạch cao nhân tạo, sản lượng và doanh thu tăng, có lãi

- Quỹ tín dụng nhân dân Phả Lại: Kinh doanh bình thường, có lãi, đảm bảo quy định hiện hành.

- Công ty cổ phần Bê tông Vĩnh Tân: Chưa có sản phẩm

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu tổng hợp

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	284.811.022.815	341.268.445.319	120
Doanh thu thuần	310.888.052.380	338.735.115.937	109
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.313.120.718	17.119.340.935	397
Lợi nhuận khác	18.757.436.567	1.508.776.522	8
Lợi nhuận trước thuế	23.070.557.285	18.628.117.457	81
Lợi nhuận sau thuế	20.387.009.155	15.967.732.226	78
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	10	8	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn 	1.19	1,24	
<ul style="list-style-type: none"> + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn 	1.17	1,04	
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu 	0,376	0,39	
	0,604	0,63	
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản 	8,9	7,33	
	1,09	0,99	
<ul style="list-style-type: none"> • <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần 	0,065	0,047	
	0,114	0,076	
	0,07	0,047	
	0,013	0,05	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần lưu hành: 17.278.888 cổ phần

- Số lượng cổ phần có quyền chuyển nhượng tự do: 16.460.693 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa:

- Cổ đông là tổ chức: Có 10 cổ đông nắm giữ 2613601 cổ phần chiếm 15% gồm: Công ty cổ phần Sông Đà 12, thuộc Tổng công ty Sông Đà; Công ty cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường; ...;

- Cổ đông là cá nhân gồm: 980 cổ đông nắm giữ 14665287 cổ phần chiếm 85 %

- Cổ đông lớn: Có 4 cổ đông lớn nắm 6 581 834 cổ phần chiếm 38%, cổ đông nhỏ nắm 10 697 054 CP chiếm 62 %

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

e) Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty là đơn vị lớn nhất Việt Nam về xử lý tro xỉ phế thải từ nhà máy nhiệt điện và Tư vấn, thiết kế, chế tạo, chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghệ về: Xử lý môi trường, đặc biệt trong lĩnh vực xử lý chất thải công nghiệp từ nhà máy nhiệt điện, nhà máy phân bón hóa chất.

6.2. *Quản lý nguồn nguyên vật liệu:*

6.3. *Tiêu thụ năng lượng:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện và than

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Giảm phát thải thông qua tái tạo sử dụng vật liệu phế thải để sản xuất ra khối lượng lớn sản phẩm hữu ích như tro bay, bê tông nhẹ,

6.4. *Tiêu thụ nước:* Không tiêu thụ nước vì sử dụng nước tuần hoàn thải ra từ nhà máy nhiệt điện, sau khi xử lý tro xỉ, làm lắng đọng cho nước trong, sau đó bơm trở lại nhà máy để tiếp tục sử dụng.

6.5. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*

6.6. *Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động 194 người; mức lương trung bình đối với người lao động là 10,8 triệu đồng/người/tháng

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Cải tạo môi trường làm việc, cải tiến công nghệ để công nhân chỉ bấm nút vận hành điều khiển; thực hiện chế độ nghỉ dưỡng, chi bồi dưỡng, chi thêm cho lao động thường xuyên để nâng cao đời sống.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Đào tạo tại chỗ về công nghệ sản xuất

6.7. *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:* Luôn ủng hộ hỗ trợ các quỹ và các chương trình do địa phương phát động

6.8. *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc về tình hình mọi mặt của công ty

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)

Số TT	Nội dung/Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH/KH (%)
II	LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG				
1	Tổng số CBCNV đến cuối kỳ	Người	200	210	105
2	Tổng số CBCNV làm việc BQ	Người	175	194	110
3	Thu nhập bình quân	Ng.đ	11.800	10,8	91
II	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				

1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	462,1	338,7	73
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	21,5	18,6	87
3	Chi phí thuế thu nhập hiện hành:	Tỷ đồng	2,254	2,66	118
	Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong hoạt động tài chính 20%	Tỷ đồng			
	Chi phí thuế thu nhập hiện hành trong SXKD chính 10%	Tỷ đồng	2,254	2,66	118
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	19,24	15,96	83
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng		0,88	
6	Lãi cơ bản/cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2021	Đồng/CP	1,548	1,08	
7	Tỷ lệ chia cổ tức/cổ phiếu	%	10	8	

Năm 2022 Công ty tiếp tục duy trì được các Hợp đồng xuất khẩu tro bay đã ký kết. Các sản phẩm gạch nhẹ, tấm bê tông khí, vữa khô, keo dán gạch đá, ..., đã cung cấp được vào các dự án lớn cũng như hệ thống các nhà phân phối mở rộng, doanh thu đạt 342 tỷ đồng (tăng 3% so với năm 2021). Nguồn nguyên liệu đầu vào ít biến động hơn so với năm 2021, nhưng nguyên liệu chính là tro xỉ ngày càng khan hiếm, giá tăng cao làm tăng chi phí giá vốn sản phẩm hàng hóa. Lãi vay ngân hàng tăng, chi phí tài chính phát sinh lớn, tổng chi phí năm 2022 là 308 tỷ đồng (tăng 5% so với năm 2021) là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm so với năm 2021.

2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Năm 2022 thành công lớn nhất của Công ty là duy trì sản xuất kinh doanh trong tình trạng dịch bệnh Covid 19 toàn thế giới, vẫn xuất khẩu sản phẩm tro bay và tiếp tục cải tạo đưa nhà máy gạch nhẹ vào sản xuất trở lại, tạo nền tảng cho các năm tiếp theo.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản 2022

- Tài sản tăng 56,4 tỷ đồng, tương ứng 19,8%
- Các khoản phải thu: 65 tỷ đồng/76 tỷ đồng năm 2021 giảm 15 % so với 2021
- Hàng tồn kho: 26 tỷ đồng/20 tỷ đồng năm 2021 tăng 30 % so với năm 2021
- Tài sản cố định: 125 tỷ đồng/128 tỷ đồng năm 2021, giảm 2,4 % so với năm 2021

b) Tình hình nợ phải trả:

Tính đến 31/12/2022, tình hình nợ phải trả của công ty như sau:

- Vay và nợ ngắn hạn: 132 tỷ đồng/107 tỷ đồng năm 2021, tăng 23 %
- Phải trả người bán: 45 tỷ đồng/38 tỷ đồng năm 2021, tăng 18 %
- Vay và nợ dài hạn: 0 tỷ đồng/0 tỷ đồng năm 2021
- Phải trả khác: 19,09 tỷ đồng/19,9 tỷ đồng năm 2021 giảm 4 %
- Công ty có nợ xấu phải thu khó đòi: 6,05 tỷ đồng/6,05 tỷ đồng năm 2021, giảm 0 %

c) Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Hiện tại công ty đang tích cực tiêu thụ sản phẩm tro bay, cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước; mở thị trường nhằm nâng sản lượng gạch nhẹ, bê tông khí, vữa khô, keo dán gạch dán, ...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty: Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm: Tình hình diễn biến tốt, khả quan cho năm 2023 và các năm tiếp theo, hiện đã có các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm lâu dài khối lượng lớn

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty:

Ban giám đốc công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để hoạt động sản xuất của công ty có hiệu quả, đặc biệt là sản xuất thêm sản phẩm mới, mở ra hướng phát triển mới cho Công ty.

3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Thực hiện tốt

4. Kế hoạch, định hướng của HĐQT: Phân tích, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022, triển khai năm 2023 như quản lý sản xuất, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm, mở rộng mặt hàng, tăng cường đầu tư xử lý tro xỉ tại Vĩnh Tân- Bình Thuận, ...;

V. Quản trị công ty

1. Danh sách Hội đồng quản trị:

- 1.1. Kiều Văn Mát** Giới tính: Nam Sinh ngày: 25-8-1969
- Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
 - Số CMND : 030069008716 - Cấp ngày 03/6/2022
 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
 - Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
 - Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
 - Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
- Cổ phần nắm giữ: 2.042.251 CP, chiếm 11,8% vốn điều lệ, trong đó:
- + Đại diện cổ phần cho tổ chức khác: Không
 - + Cổ phần hiện hữu: 2.042.251 CP
- 1.2. Kiều Quang Vọng**
- Giới tính: Nam; Sinh ngày: 22/11/1956
- Nơi sinh: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- CMTND số: 30056000171 cấp ngày 08/9/2015
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;
- Thường trú: Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
- Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường
- Cổ phần nắm giữ: 2.259.820, chiếm 13,1% vốn điều lệ Công ty, trong đó:
- + Cổ phần đại diện: 2.213.047 cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường tại Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường.
 - + Cổ phần hiện hữu: 46.773 CP
- 1.3. Nguyễn Hồng Quyền**
- Giới tính: Nam; Sinh ngày: 01/09/1950
- Nơi sinh: Hoàng Xuyên – Hoàng Hoá – Thanh Hoá

CMTND số: 011230993 cấp ngày 08/12/2005 tại Công an TP Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;
Thường trú: 586 Đường Bưởi – Vĩnh Phúc – Ba Đình – Hà Nội
Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác:
Cổ phần nắm giữ: 99 CP, chiếm 0,0006 % vốn điều lệ Công ty, trong đó:
+ Cổ phần đại diện: 99 CP
+ Cổ phần hiện hữu: 99 CP

1.4. Nguyễn Anh Dũng

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/05/1975
Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương
CMTND số: 30075006847 cấp ngày 10/7/2021
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;
Thường trú: Số 17/126 Kim Hoa, Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội
Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác:
Cổ phần nắm giữ: 1.019.900 CP, chiếm 5,9 % vốn điều lệ Công ty, trong đó:
+ Cổ phần đại diện:
+ Cổ phần hiện hữu: 1.019.900 CP

1.5. Nguyễn Ánh Hồng:

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 23/03/1978
Nơi sinh: Hải Dương
CMTND số: 38078034811 cấp ngày 22/12/2021
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;
Thường trú: Phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Chức vụ tại công ty: Thành viên HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác: Cán bộ ngân hàng VCB Chí Linh, Hải Dương
Cổ phần nắm giữ: 558.199 CP, chiếm 3,23% vốn điều lệ Công ty, trong đó:
+ Cổ phần đại diện:
+ Cổ phần hiện hữu: 558.199 CP

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật. Định kỳ họp mỗi quý 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác chỉ đạo, quản lý Công ty. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, mỗi thành viên được phân công chỉ đạo theo mảng hoạt động như: Sản xuất, kỹ thuật, đầu tư, tài chính, thị trường ... hàng quý tại phiên họp thường kỳ có báo cáo đánh giá công tác quản trị đã được phân công. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ công ty và quy chế hoạt động HĐQT.

Thực hiện tốt việc sửa đổi bổ xung hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định cũ đã ban hành theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

Về hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Đã tích cực tham gia kiểm soát, phản biện, xây dựng nghị quyết HĐQT và hỗ trợ ban điều hành:

- Hoạt động của thành viên HĐQT không điều hành: Đã tích cực tham gia kiểm soát, phản biện, xây dựng nghị quyết HĐQT và hỗ trợ ban điều hành

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Công ty chưa có các tiểu ban giúp việc HĐQT.

- Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Tất cả các thành viên HĐQT công ty đều đã tham gia các lớp học bồi dưỡng về quản trị công ty.

3. Ban kiểm soát:

Cơ cấu như sau : 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên. Hiện nay không có thành viên nào là người lao động tại Công ty.

3.1. Đào Xuân Quỳnh

Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/02/1982

Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương

CMTND số: 30082004912 cấp ngày 25/4/2021

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: Trưởng ban KS

Chức vụ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ

Cổ phần nắm giữ: 39.800 CP, chiếm 0,23% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 39.800 CP

3.2. Nguyễn Thị Thu Hoài:

Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 16/10/1982

Nơi sinh: Nhật Tân, Tiên Lữ, Hưng Yên

CMTND số: 33182004804 cấp ngày 25/4/2021

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: TV ban KS

Chức vụ tại tổ chức khác: Nhân viên Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao

Cường

Cổ phần nắm giữ: 2.000 CP, chiếm 0,01% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 2.000 CP

3.3. Bùi Thị Vẽ:

Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 23/12/1975

Nơi sinh: Phả Lại – Chí Linh - Hải Dương

CMTND số: 30175007385 - Cấp ngày 13/4/2020

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh;

Thường trú: Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Chức vụ tại công ty: TV ban KS

Chức vụ tại tổ chức khác: Nhân viên Quỹ tín dụng ND Phả Lại

Cổ phần nắm giữ: 1.000 CP, chiếm 0,005% vốn điều lệ Công ty, trong đó:

+ Cổ phần đại diện:

+ Cổ phần hiện hữu: 1.000 CP

3.4. Hoạt động của Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát và quy định của pháp luật. Định kỳ 06 tháng họp 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty khi có sự kiến nghị của cổ đông hoặc những hoạt động có dấu hiệu không bình thường. Để tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm soát Công ty thì hàng quý tại phiên họp thường kỳ của HĐQT có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát của Ban kiểm soát.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát ĐVT: đồng

Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập 2022
Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	347.935.500
Nguyễn Anh Dũng	Thành viên HĐQT, Chuyên gia	168.201.500
Nguyễn Hồng Quyền	Thành viên HĐQT,	54.000.000
Kiều Văn Cường	Thành viên HĐQT đến tháng 4/2022	18.000.000
Nguyễn Ánh Hồng	Thành viên HĐQT	58.900.000
Kiều Quang Vọng	Thành viên HĐQT từ tháng 5/2022; cổ vấn	220.246.918
Đào Xuân Quỳnh	Trưởng BKS	58.900.000
Nguyễn Thị Thu Hoài	Thành viên BKS	58.900.000
Bùi Thị Vê	Thành viên BKS	32.400.000
Vũ Văn Chiến	Tổng Giám đốc	319.435.073
Phạm Văn Thu	Phó Tổng Giám đốc	265.780.706
Trần Văn Hoan	KTT	220.246.918

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ

đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

DANH SÁCH MUA CP

TT	Họ tên	Liên quan	Tổng cũ	Mua thêm			
				Esop	Hiện hữu		Tổng mua (CP)
					Theo quyền	PP lại	
1	Kiều Văn Cao	Liên quan TVHĐQT	16456		1.777		1.777
2	CTCP Dịch vụ CC	Liên quan TVHĐQT- CĐ lớn	1832006		197.841		197.841
3	Vũ Văn Chiến	TGD	10000	200.000		60.000	260.000
4	Kiều Văn Cường	Liên quan TVHĐQT	3872		418		418
5	Nguyễn Anh Dũng	TV HĐQT	600000	160.000		200.000	360.000
6	Trần Văn Hoan	KTT	10000			25.000	25.000
7	Nguyễn Ánh Hồng	TV HĐQT	462097		49.893		49.893
8	Kiều Văn Mát	TV HĐQT	1333131		143.966	431.841	575.807
9	Kiều Thị Nhung	Liên quan TVHĐQT- Cổ đông lớn	1081660		116.810		116.810
10	Đào Xuân Quỳnh	TV BKS	1520	38.000	128		38.128
11	Phạm Thị Thu Thái	Liên quan TVBKS	9801		1.019		1.019
12	Phạm Văn Thư	PTGD	21800	30.000			30.000
13	Kiều Quang Vọng	TV HĐQT	38720		4.181		4.181
14	Kiều Văn Phú	Liên quan TVHĐQT	16093		1.737		1.737
15	Vũ Thị Thanh Huyền	Liên quan TVHĐQT	60500		6.533		6.533
16	Kiều Thị Miền	Liên quan TVHĐQT				10.000	10.000
17	Lương Thị Thúy	Liên quan PTGD		1.500			1.500
18	Phạm Trung Chính	Liên quan PTGD		1.000			1.000
19	Nguyễn Thị Thu Hoài	TV BKS				2.000	2.000
20	Nguyễn Hữu Tuấn	Liên quan TVBKS	77600		8.380		8.380
21	Bùi Thị Vê	TV BKS				1.000	1.000

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): *Không có*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện tốt

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ VĂN CHIẾN

Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: *Nhất trí toàn bộ*

Số: 24/2023/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022
của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được lập ngày 21/03/2023, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 18/02/2022.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam




Dương Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2023-242-1



Nguyễn Thị Thủy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 4057-2019-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.700.053.139	127.519.098.980
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	52.907.470.412	14.657.994.999
1. Tiền	111		17.907.470.412	14.657.994.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.824.053.179	76.459.461.166
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	30.728.904.558	57.472.198.588
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	13.719.409.420	6.328.447.427
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	19.432.095.566	18.715.171.516
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	5.5	(6.056.356.365)	(6.056.356.365)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	26.966.342.983	20.217.675.986
1. Hàng tồn kho	141		26.966.342.983	20.217.675.986
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.002.186.565	16.183.966.829
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	3.684.126.461	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.318.060.104	16.183.966.829
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		176.568.392.180	157.291.923.835
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.683.831.030	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		7.683.831.030	-
II. Tài sản cố định	220		125.882.429.711	128.477.412.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	116.022.702.467	118.273.238.250
- Nguyên giá	222		234.476.503.908	247.061.496.561
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.453.801.441)	(128.788.258.311)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	9.859.727.244	10.204.173.924
- Nguyên giá	228		15.650.050.399	15.650.050.399
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.790.323.155)	(5.445.876.475)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		19.740.887.268	2.808.536.191
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.740.887.268	2.808.536.191
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	21.124.399.419	23.191.900.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.200.000.000	1.200.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.991.900.000	21.991.900.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.067.500.581)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.136.844.752	2.814.075.470
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	2.136.844.752	2.814.075.470
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		341.268.445.319	284.811.022.815

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B01-DN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		132.379.403.348	107.318.934.785
I. Nợ ngắn hạn	310		132.379.403.348	107.318.934.785
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	45.667.395.468	38.286.950.417
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		121.608.296	316.348.810
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.705.229.703	604.620.831
4. Phải trả người lao động	314		2.164.119.512	3.310.925.376
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	82.394.920	31.023.987
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	19.091.106.868	19.959.902.788
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	57.099.771.266	41.177.292.461
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.447.777.315	3.631.870.115
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.889.041.971	177.492.088.030
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	208.889.041.971	177.492.088.030
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.788.880.000	138.899.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.788.880.000	138.899.730.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.804.928.341	4.804.928.341
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.908.781.960	11.809.905.760
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		18.386.451.670	21.977.523.929
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.418.719.444	1.590.514.774
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.967.732.226	20.387.009.155
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		341.268.445.319	284.811.022.815

Hải Dương, ngày 21 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP

Đỗ Thị Ngọc Hài

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Văn Hoan

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mẫu số B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	338.735.115.937	310.888.052.380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		338.735.115.937	310.888.052.380
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	172.927.130.469	155.721.779.635
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		165.807.985.468	155.166.272.745
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.476.002.405	482.208.434
7. Chi phí tài chính	22	6.4	5.826.652.129	2.625.280.586
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.337.914.520	2.188.890.866
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	131.918.430.437	138.409.192.441
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	12.419.564.372	10.300.887.434
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.119.340.935	4.313.120.718
11. Thu nhập khác	31	6.5	2.069.144.380	20.373.317.242
12. Chi phí khác	32	6.6	560.367.858	1.615.880.675
13. Lợi nhuận khác	40		1.508.776.522	18.757.436.567
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.628.117.457	23.070.557.285
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.660.385.231	2.683.548.130
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		15.967.732.226	20.387.009.155
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.072	1.468
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.072	1.468

Hải Dương, ngày 21 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Trần Văn Hoan

Vũ Văn Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Km28+100m, quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2022

Mẫu số B03-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.628.117.457	23.070.557.285
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		(14.099.963.559)	18.033.718.989
- Các khoản dự phòng	03		2.067.500.581	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		421.237.028	(26.907.145)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(360.661.285)	28.747.998
- Chi phí lãi vay	06		3.337.914.520	2.188.890.866
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.994.144.742	43.295.007.993
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.817.483.682	16.542.518.463
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.748.666.997)	(5.549.789.941)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12.187.531.101	(15.244.324.376)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(939.395.162)	119.170.148
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.286.543.587)	(2.204.458.889)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(560.400.159)	(2.539.872.250)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.401.197.600)	(1.341.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.062.956.020	33.076.731.148
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.816.654.669)	(6.549.818.255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			12.130.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(570.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		360.661.285	68.388.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.455.993.384)	(7.039.299.867)